TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI * Số 42-CTr/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 11 năm 2026*

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới

---

Thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới (*Nghị quyết số 27-NQ/TW*) và yêu cầu phát triển của tỉnh Quảng Ngãi trong không gian vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt nghiêm túc các quan điểm, nội dung của Nghị quyết số 27-NQ/TW, tạo chuyển biến thống nhất về nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của phát triển vùng, liên kết vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

- Cụ thể hóa vai trò, vị trí, chức năng, lợi thế, bản sắc và sứ mệnh phát triển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại Nghị quyết số 27-NQ/TW vào điều kiện thực tiễn của tỉnh Quảng Ngãi nhằm phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, bản sắc của tỉnh, tạo nền tảng để Quảng Ngãi phát triển nhanh, bền vững.

- Tháo gỡ các điểm nghẽn về quy hoạch, hạ tầng, đất đai, giải phóng mặt bằng, nguồn lực đầu tư, liên kết vùng và chất lượng nhân lực; huy động hiệu quả nguồn lực nhà nước, tư nhân, PPP và nguồn lực ngoài tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ có tính dẫn dắt, lan tỏa. Chuyển mạnh tư duy phát triển từ khai thác đơn lẻ nguồn lực sang tổ chức lại không gian, kết nối các cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đô thị, khu kinh tế, cảng biển, vùng biển với khu vực cao nguyên, miền núi.

2. Yêu cầu

- Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 27-NQ/TW, đặc biệt là các mục tiêu phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Ngãi và gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại

hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2025 - 2030 và các chủ trương, chính sách có liên quan của Trung ương, của tỉnh.

- Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ có tác động liên vùng, tạo dư địa tăng trưởng lớn; tránh dàn trải, trùng lặp. Gắn tổ chức không gian với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển kinh tế biển. Bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, nguồn nước; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, bảo đảm an sinh và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh, bảo đảm Chương trình được triển khai thực chất, có kết quả cụ thể trên địa bàn tỉnh và đóng góp trực tiếp vào việc hoàn thành các mục tiêu phát triển của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Tái cấu trúc, quản lý và khai thác hiệu quả không gian phát triển tỉnh Quảng Ngãi đồng bộ với không gian phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và quốc gia trên cơ sở phát huy tối đa ưu điểm nổi trội, lợi thế cạnh tranh, bản sắc văn hoá của tỉnh Quảng Ngãi với các trụ cột phát triển *"Công nghiệp, Năng lượng, Logistics, Du lịch, Nông nghiệp xanh"*; phát huy vai trò dẫn dắt, lan tỏa của các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, nhất là Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, hệ thống đô thị, cảng biển, công nghiệp, logistics, kinh tế biển và không gian cao nguyên Măng Đen nhằm từng bước hình thành các chuỗi giá trị và không gian kinh tế có sức cạnh tranh cao; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

- Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh, số, tuần hoàn và dựa nhiều hơn vào năng suất, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược, tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng; xây dựng Quảng Ngãi trở thành một địa phương có nền kinh tế năng động, có vai trò ngày càng rõ trong mạng lưới phát triển của vùng; từng bước vươn lên thành một cực tăng trưởng mới, đóng góp tích cực và thúc đẩy phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trở thành vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, là trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm khu vực và quốc tế gắn với một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn, khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển hiện đại.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2030

2.1. Mục tiêu

- Phấn đấu thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và các kế hoạch, quy hoạch có liên quan; đồng thời, cụ thể hóa các chỉ tiêu của Nghị quyết số 27-NQ/TW đối với phát triển vùng thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện của tỉnh Quảng Ngãi. Đến năm 2030 là tỉnh phát triển khá của cả nước, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Hình thành các hành lang và không gian phát triển chủ đạo: Hành lang Bắc - Nam gắn với cao tốc, quốc lộ, đường sắt, cảng biển và đô thị biển; hành lang Đông - Tây kết nối Dung Quất - Quảng Ngãi với Măng Đen, Bờ Y và khu vực Tây Nguyên; không gian kinh tế biển Dung Quất - Sa Huỳnh; chuỗi đô thị - công nghiệp - dịch vụ - logistics; các không gian du lịch biển đảo (Trung tâm du lịch biển đảo Lý Sơn), sinh thái (Măng Đen), văn hóa (Sa Huỳnh) và kết nối núi - rừng - biển - đảo. Tập trung đầu tư hạ tầng chiến lược theo quy hoạch, trong đó ưu tiên các dự án liên kết Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, các khu công nghiệp, cảng biển, các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa và các đô thị,…; xây dựng tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; đầu tư, khai thác sân bay Măng Đen.

- Tăng tỷ trọng đóng góp của năng suất, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào tăng trưởng; phát triển bền vững kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ, chế biến - chế tạo, logistics, du lịch chất lượng cao và nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao. Kết hợp hài hòa và khai thác hiệu quả không gian liên kết phát triển giữa vùng biển, đồng bằng với cao nguyên và biên giới cửa khẩu.

2.2. Chỉ tiêu

Các chỉ tiêu cụ thể được rà soát, lượng hóa trong quá trình cập nhật Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch tỉnh và các chương trình, đề án chuyên ngành; bảo đảm không thấp hơn mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền quyết định và phù hợp các chỉ tiêu của Nghị quyết số 27-NQ/TW đối với vùng. Trọng tâm theo dõi gồm: Tăng trưởng GRDP; năng suất lao động; đóng góp của TFP[1]; tỷ trọng kinh tế số; huy động vốn đầu tư xã hội; tỷ lệ giải ngân đầu tư công; năng lực cảng biển, logistics; tỷ lệ đô thị hóa; chất lượng môi trường; đào tạo nhân lực chất lượng cao và các chỉ tiêu an sinh xã hội,... Tại Chương trình hành động này xác định các chỉ tiêu thực hiện, cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

[1] Tốc độ tăng năng suất các nhân tố tổng hợp.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

- Tập trung phát triển và vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dữ liệu, kinh tế tuần hoàn; có kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, xanh, an toàn, có khả năng chống chịu cao, kết nối thông suốt; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng và phát triển; xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển; quản trị xã hội trên nền tảng xã hội số hoàn chỉnh; môi trường sinh thái bền vững; quốc phòng, an ninh hiện đại, tự chủ, tự cường, vững mạnh; người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao.

- Quảng Ngãi tiếp tục khẳng định là tỉnh phát triển khá của cả nước, với vai trò cực tăng trưởng mới ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và là một trong những trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia, logistics, du lịch đặc sắc, trung tâm du lịch biển đảo và sinh thái của vùng, của quốc gia, là điểm đến của khát vọng hòa bình; đóng vai trò là hạt nhân quan trọng, tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây; liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và giữa các vùng; góp phần xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thịnh vượng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tổ chức lại không gian phát triển và rà soát, thực hiện quy hoạch

- Tổ chức rà soát, cập nhật đồng bộ Quy hoạch tỉnh với quy hoạch vùng, quy hoạch cấp quốc gia gắn với đổi mới mô hình phát triển theo hướng đa trung tâm, đa cực, liên kết đồng bộ đất liền, vùng biển, vùng trời, không gian tầm thấp, không gian ngầm, không gian số và các không gian phát triển mới, bảo đảm tầm nhìn dài hạn, liên ngành, liên vùng và khả năng thích ứng với những thay đổi về công nghệ, thị trường, dân số, khí hậu; đồng thời, tập trung tổ chức triển khai có hiệu quả nội dung Quy hoạch tỉnh.

- Tập trung phát triển các hành lang kinh tế, các không gian phát triển, kết nối hiệu quả các vùng động lực, cực tăng trưởng, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới sau sắp xếp các đơn vị hành chính. Đầu tư phát triển hành lang kinh tế Đông – Tây, xây dựng hoàn thành Tuyến đường cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum, Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, đặc khu Lý Sơn, Măng Đen, Sa Huỳnh, các khu tái định cư phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa,... để tối ưu hoá không gian phát triển, tạo thành các trục kết nối giao thông và không gian kinh tế xuyên suốt, kết nối cao nguyên với các trung tâm kinh tế, đô thị và cảng biển.

- Tăng cường liên kết với các địa phương, các vùng trong khai thác không gian biển thông qua việc kết nối hành lang kinh tế Bắc - Nam trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế, thúc đẩy giao lưu thương mại, du lịch, đầu tư giữa các nước, phát triển các địa phương vùng Bắc Trung Bộ, vùng Đông Nam Bộ, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Tập trung triển khai rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết ngành theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, Quy hoạch tỉnh.

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

2. Hoàn thiện đồng bộ thể chế, tạo đột phá phát triển

- Phối hợp với các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp, điều phối vùng và huy động nguồn lực thật thực chất, hiệu quả là khâu đột phá trong phát triển, nhất là đối với các công trình liên vùng, theo nguyên tắc các địa phương trong vùng cùng quyết định, cùng góp vốn, cùng chịu trách nhiệm và cùng hưởng lợi, bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các tỉnh trong vùng; trong đó, tập trung vào giao thông, logistics, du lịch, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, đào tạo nhân lực chất lượng cao và xúc tiến đầu tư.

- Đẩy mạnh liên kết vùng theo không gian phát triển và chuỗi giá trị, lấy các hành lang kinh tế, các cực tăng trưởng, các đô thị trong vùng làm hạt nhân. Tiếp tục nghiên cứu đề xuất, hoàn thiện đồng bộ thể chế, các cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để phát triển các mô hình kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, ... (lấy Trung tâm lọc, hóa dầu, đóng tàu và năng lượng Quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất, Trung tâm du lịch biển đảo Quốc gia tại đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch sinh thái Quốc gia Măng Đen, Hành lang kinh tế Đông - Tây và Bắc - Nam,... làm điểm kết nối).

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

3. Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Chương trình hành động số

33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực.

- Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu, trục xuyên suốt, lấy phát triển kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; phát triển dịch vụ logistics, thương mại điện tử, du lịch chất lượng cao; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sinh thái và bền vững.

- Phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao; quản lý khai thác, sử dụng hiệu quả bền vững tài nguyên và không gian biển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển. Tập trung phát triển công nghiệp nền tảng (lọc hóa dầu, thép, năng lượng), công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao tại Khu kinh tế Dung Quất; nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu (Sâm Ngọc Linh) tại miền núi; du lịch biển - đảo Lý Sơn, sinh thái Măng Đen; kinh tế biên mậu (Cửa khẩu quốc tế Bờ Y); kinh tế biển.

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng

- Tập trung nguồn lực phát triển các hạ tầng chiến lược, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ, hạ tầng phục vụ chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng để trở thành động lực then chốt giúp đột phá kinh tế, mở rộng không gian phát triển và khơi thông các nguồn lực. Các loại hình hạ tầng phải được tổ chức thống nhất theo hành lang kinh tế và không gian phát triển. Phát triển hài hoà giữa hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng số, dữ liệu, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; gắn việc phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng bộ với hạ tầng y tế, văn hoá, giáo dục, thể thao.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông hiện đại, đồng bộ, kết nối hiệu quả giữa các ngành, các vùng, giữa địa phương và các trung tâm kinh tế lớn, giữa trong nước và nước ngoài; ưu tiên hạ tầng chiến lược: Cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum, tuyến cao tốc Ngọc Hồi - Kon Tum - Pleiku, đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, nâng cấp các tuyến quốc lộ và đường tỉnh trọng yếu, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, sân bay Măng Đen, kết nối Bờ Y - Măng Đen - Dung Quất, nâng cấp

cửa khẩu Đăk Long - Văng Tắt (giáp Lào), cảng biển, logistics cấp vùng, hạ tầng số, năng lượng (điện khí, tái tạo), thủy lợi liên vùng.

- Tiếp tục phát triển hành lang kinh tế Bắc - Nam với kết nối đường bộ, đường sắt, hạ tầng năng lượng, cáp quang và logistics, gắn với các đô thị, trung tâm công nghiệp và dịch vụ mới; hành lang kinh tế Đông - Tây kết nối vùng nội địa với cảng biển, cửa khẩu và mạng lưới logistics khu vực. Tập trung đầu tư phát triển tuyến đường sắt đô thị, đường sắt kết nối với Tây Nguyên,...; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển vận tải đa phương thức, nâng cao năng lực logistics, giảm chi phí vận tải, nâng cao sức cạnh tranh. Khơi thông, kích hoạt các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên các hình thức đầu tư tư nhân, hợp tác công tư (PPP). Tập trung nguồn lực hoàn thành các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm liên vùng, lan toả; hạ tầng kết nối Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế mở Chu Lai với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

5. Phát triển hệ thống đô thị hiện đại và các cực tăng trưởng của vùng

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy hoạch hệ thống đô thị theo hướng phát triển các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế - đô thị, các trung tâm kinh tế và các đô thị động lực có vai trò dẫn dắt, lan toả; tập trung phát triển đô thị theo mô hình đa trung tâm, xanh, thông minh, TOD; định hướng phát triển theo mô hình đô thị trung tâm mở rộng hướng biển, bám sông, gắn sân bay, kết nối di sản, trong đó kết hợp chặt chẽ giữa phát triển đô thị hiện đại với bảo tồn cảnh quan tự nhiên, bản sắc văn hóa và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Chú trọng ưu tiên phát triển các cực tăng trưởng tại đô thị Quảng Ngãi, đô thị Kon Tum, đô thị Đức Phổ, đô thị Bình Sơn, Măng Đen, Bờ Y, Lý Sơn,… để làm tốt vai trò dẫn dắt, lan toả và phát triển các hành lang đô thị - công nghiệp - dịch vụ ven biển có quy mô và sức lan tỏa vùng,… gắn đô thị hóa với phát triển nhà ở xã hội, công nghiệp hóa và xây dựng nông thôn mới. Phát triển đô thị biên giới gắn với thương mại quốc tế.

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

6. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tập trung đột phá để chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương và vùng; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực then chốt như công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, công nghệ số, logistics, tài chính, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao,… Nghiên cứu cơ chế để khu vực tư nhân tham gia đầu tư, nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ; thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân tài trong và ngoài nước vào các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, logistics, dược liệu và công nghệ mới nổi.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, kỹ năng và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển, gắn với các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh và của vùng (công nghiệp chế biến, chế tại, năng lượng, logistics, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao,...). Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Hình thành và phát triển các trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo có khả năng dẫn dắt và lan toả tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao trong vùng.

- Khuyến khích đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực theo lộ trình phù hợp với tình hình cụ thể của tỉnh. Có cơ chế, giải pháp huy động các nguồn lực, kết hợp ngân sách trung ương và ngân sách địa phương để đầu tư hạ tầng các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm hiện đại, dùng chung, phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ chiến lược. Thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), khu công nghệ số tập trung.

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

7. Phát triển văn hoá, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện

- Phát triển văn hoá theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với hình thành các không gian văn hoá sáng tạo và hưởng thụ văn hoá của Nhân dân; phát triển hoàn thiện, nâng cao hệ thống thiết chế văn hóa, hạ tầng văn hóa; lấy bản sắc văn hoá làm nền tảng, sức mạnh nội sinh cho sự phát triển bền vững và lấy các giá trị truyền thống các dân tộc là nguồn lực phát triển; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử, bản sắc và vốn sinh thái nhân văn của từng dân tộc; thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong vùng để hình thành các trục di sản, văn hoá, du lịch liên vùng; xây dựng các không gian văn hoá gắn với mục tiêu phát triển công nghiệp văn hoá trở thành một động lực tăng trưởng mới; khuyến khích xã hội hoá, huy động đa dạng nguồn lực cho phát triển văn hoá bền vững; phát huy vai trò của cộng đồng trong gìn giữ, thực hành và trao truyền các giá trị di sản.

- Phát triển hệ thống y tế toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối, lấy y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng, y tế chuyên sâu là động lực, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khoẻ toàn dân và bảo hiểm y tế toàn dân; khuyến khích xã hội hoá và phát triển y tế tư nhân; bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khoẻ người dân. Đầu tư, hiện đại hoá các bệnh viện trọng điểm, các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp chuyên sâu, các trung tâm y tế; củng cố và mở rộng mạng lưới bệnh viện vệ tinh, tăng cường chuyển giao kỹ thuật để giảm quá tải cho các bệnh viện trung tâm.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại, chủ động, thích ứng, bao trùm, liên vùng, đa dạng loại hình, phân bố hợp lý, tinh gọn, hiệu quả; tăng cường năng lực dịch vụ xã hội và chuyển đổi số trong công tác an sinh; nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội, bảo đảm người dân có nhu cầu được tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp, bền vững và nhân văn. Triển khai hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

8. Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Hoàn thiện quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể quốc gia. Tăng cường liên kết vùng trong huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, hệ sinh thái biển và chia sẻ trách nhiệm giữa các địa phương trong vùng. Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Tăng cường các chính sách hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng, bố trí biên chế, phương tiện để bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ. Tiếp tục thực hiện thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải (carbon).

- Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm gắn với điều phối liên vùng; đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư, hiện đại hoá hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo và dự báo thiên tai đa mục tiêu; xây dựng hệ thống dữ liệu môi trường đồng bộ, hiện đại, thống nhất, chia sẻ đa cấp, liên vùng hướng đến kiểm soát cơ bản tình trạng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường giải pháp phi công trình, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, nâng cao năng lực cộng đồng và hiệu quả phối hợp trong phòng, chống thiên tai.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, chiến lược, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm gắn với bảo vệ nguồn nước. Khuyến khích hình thành cơ chế phối hợp trong kiểm soát ô nhiễm, quản lý xả thải và khai thác tài nguyên bền vững; bảo vệ, phục hồi và quản lý bền vững tài nguyên theo hướng tổng hợp, có hệ thống, dựa vào thiên nhiên. Đẩy mạnh quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển và rừng ngập mặn, góp phần giảm rủi ro thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

Cơ quan lãnh đạo: Đảng ủy UBND tỉnh.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, địa phương.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; củng cố thế trận quốc phòng, thế trận an ninh, trọng tâm là các vùng biên giới, hải đảo. Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, bảo đảm liên kết chặt chẽ trong thế trận phòng thủ quân khu và cả nước; đầu tư phát triển đường tuần tra, các chốt dân quân thường trực, hệ thống công trình phòng thủ, nhất là trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo.

- Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế để huy động nguồn lực cho các dự án đầu tư hạ tầng, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho tỉnh Quảng Ngãi nhằm tăng cường kết nối, góp phần phát triển vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; khai thác thế mạnh, tiềm năng của tỉnh để thực hiện hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA). Phát huy vai trò của địa phương trong hợp tác với các quốc gia có trình độ phát triển về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh hợp tác với các địa phương về kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch,...

Cơ quan chỉ đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan phối hợp thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

10. Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Tổ chức bộ máy chính quyền ở địa phương phù hợp với đặc điểm và đặc thù các khu vực nông thôn, đô thị, miền núi, đặc khu; đẩy

mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm tự quyết, tự làm và tự chịu trách nhiệm; xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ các cấp đủ đức, đủ sức, đủ tài, trong đó chú trọng tiêu chuẩn hoá, trẻ hoá, chuyên môn hoá. Tổ chức hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát việc thực thi nghị quyết và chính sách; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu giữa địa phương với các Bộ, ngành Trung ương và các cơ quan, đơn vị để nâng cao chất lượng công tác quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả công tác của các tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

Cơ quan chỉ đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan phối hợp thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng nội dung Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng Kế hoạch bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này, với các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp; phân công rõ ràng, cụ thể trách nhiệm cho các tập thể, cá nhân; hoàn thành trong tháng 11 năm 2026.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng công tác tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 27/NQ-TW và Chương trình hành động này để cán bộ, đảng viên và Nhân dân nâng cao nhận thức, thống nhất trong hành động, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng,

Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh tuyên truyền, phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết số 27-NQ/TW và Chương trình hành động này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển.

5. Chương trình hành động này thay thế Chương trình hành động số 50-CTr/TU ngày 09/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum (cũ) thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 28-CTr/TU ngày 14/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi (cũ) thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

U Huấn

Nơi nhận:
- Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng Trung ương và các vụ địa phương (báo cáo);
- Đảng ủy: Các cơ quan Đảng tỉnh; HĐND tỉnh, UBND tỉnh; MTTQ, các đoàn thể tỉnh; Quân sự tỉnh; Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- VPTU: PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

PHỤ LỤC

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI TRONG PHÁT TRIỂN VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN ĐẾN NĂM 2030

(*Kèm theo Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*)

TT	Chỉ tiêu	**Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên** (Theo Nghị quyết 27-NQ/TW)	**Tỉnh Quảng Ngãi**
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	10	10
2	GRDP bình quân đầu người (USD)	8.000	6.900 - 7.000
3	Tỉ trọng Khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản (%)	16 - 17	14 - 15
4	Tỉ trọng Khu vực công nghiệp và xây dựng (%)	33 - 34	44 - 45
5	Tỉ trọng Khu vực dịch vụ (%)	43 - 44	30 - 32
6	Tỉ trọng Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm (%)	6 - 7	9 - 10
7	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP (%)	14	28 - 29
8	Tỉ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GRDP (%)	30	30
9	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	45	45
10	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	8,5 - 9,5
11	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	50	>38
12	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75,5	75,5

TT	Chỉ tiêu	**Vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên** (Theo Nghị quyết 27-NQ/TW)	**Tỉnh Quảng Ngãi**
13	Thời gian sống khoẻ (năm)	68	68
14	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	30 - 35	>30,6
15	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (điểm %/năm)	1 - 1,5	Không còn hộ nghèo
16	Số bác sĩ/vạn dân (người)	17	13,1
17	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khoẻ hằng năm (%)	100	100
18	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	Trên 95%	Bao phủ toàn dân
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,8	0,777
20	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	100
21	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	51	60
22	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó hiện đại)	65% (10%)	58%